

Số: 1119/2024/QĐST-HNGĐ

Đông Đa, ngày 13 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1035/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024 về việc “*Yêu cầu công nhận sự thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1- Anh Đỗ Xuân T, sinh năm 1976;

2- Chị Trần Thị N, sinh năm 1981;

Cùng ĐKNKTT: Số A ngõ A L, phường Ô, quận Đ, Hà Nội; Nơi cư trú: Phòng B chung cư M, số B phố T, phường N, quận Đ, Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Xuân T và chị Trần Thị N kết hôn ngày 18/01/2002 có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm. Anh chị đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Nay chị N và anh T xác định tình cảm vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên xin thuận tình ly hôn. Xét việc anh chị thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên chấp nhận yêu cầu của anh chị, cho anh chị được thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: Xác nhận anh chị có 02 con chung là cháu Đỗ Thu T1, sinh ngày 26/12/2003 và cháu Đỗ Thu T2, sinh ngày 16/6/2014. Ly hôn, anh chị thỏa thuận anh T sẽ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Thu T2, anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Cháu Thu T1 đã trưởng thành nên việc cháu ở với ai là do cháu tự quyết định.

[3] Về tài sản chung, nhà ở: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về lệ phí:* Anh Đỗ Xuân T và chị Trần Thị N phải chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị N tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự khi ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1- Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đỗ Xuân T và chị Trần Thị N.

- *Về con chung:* Anh chị có 02 con chung là cháu Đỗ Thu T1, sinh ngày 26/12/2003 và cháu Đỗ Thu T2, sinh ngày 16/6/2014. Giao cháu Thu T2 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tam hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của chị N cho đến khi anh T yêu cầu hoặc khi có quyết định thay đổi khác. Cháu Thu T1 đã trưởng thành việc cháu ở với ai là do cháu tự quyết định, Tòa án không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung, nhà ở:* Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2- Về lệ phí: Anh Đỗ Xuân T và chị Trần Thị N phải chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị N tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí chị Trần Thị N đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0065425 ngày 25/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa, Hà Nội. Chị N đã nộp đủ lệ phí.

3- Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Đống Đa;
- Chi cục THA dân sự quận Đống Đa;
- UBND phường Trần Đăng Ninh, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định (GCN kết hôn số 09 ngày 18/01/2002);
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Phương Thúy